

Bản án số: 140/2023/HNGĐ-ST
Ngày 30 – 5 – 2023
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ D, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Trúc

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hoài Phong

Ông Nguyễn Văn Hiền

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Chí Đệ là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ D, tỉnh Cà Mau.

Ngày 30 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ D xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 218/2023/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2023 về việc “tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 158/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Hồng Nh; Sinh năm 2000; Cư trú tại: Ấp T Th, xã T A Kh Đ, huyện Đ D, tỉnh Cà Mau (vắng mặt);

- *Bị đơn:* Anh Phạm Văn Kh; Sinh năm 2000; Cư trú tại: Ấp Đ T A, xã T D, huyện Đ D, tỉnh Cà Mau (vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án chị Nh trình bày:*

- Về hôn nhân: Chị và anh Kh kết hôn với nhau vào năm 2020, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T A Kh Đ, huyện Đ D, tỉnh Cà Mau vào ngày 23/4/2020. Sau thời gian chung sống không còn hạnh phúc, chị Nh thường mâu thuẫn với cha mẹ chồng và không hợp về cách sống với anh Kh nên thường xuyên xảy ra cãi nhau, đã ly thân khoảng 8 tháng. Nay mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm không thể hàn gắn và mỗi người đã có cuộc sống riêng nên chị Nh yêu cầu được ly hôn với anh Kh.

- Về con chung: Có một con chung tên Phạm Anh Tú, sinh ngày 21/01/2021. Chị Nh yêu cầu được nuôi con và yêu cầu anh Kh cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung: Có 10 chỉ vàng 24k (chị quản lý 04 chỉ, anh Kh quản lý 06 chỉ). Chị Nh yêu cầu chia mỗi người 05 chỉ vàng 24k, anh Kh có trách nhiệm đưa cho chị 01 chỉ vàng 24k.

- Về nợ chung: Chị Nh xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, chị Nh thay đổi yêu cầu khởi kiện, chị không yêu cầu anh Kh cấp dưỡng nuôi con. Về phần tài sản chung, chị Nh yêu cầu được tự thỏa thuận với anh Kh, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Quá trình giải quyết vụ án, anh Phạm Văn Kh trình bày:*

- Về hôn nhân: Anh Kh xác định cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên đồng ý ly hôn với chị Nh.

- Về con chung: Thống nhất yêu cầu của chị Nh, giao cháu Phạm Anh Tú cho chị Nh nuôi dưỡng, cấp dưỡng nuôi con không đặt ra yêu cầu.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.

- Về nợ: Không có.

Ngoài ra, do điều kiện đi làm xa không thể tham dự theo giấy mời nên xin vắng mặt các buổi làm việc, xét xử tại Tòa án. Anh Kh không ý kiến hay yêu cầu gì khác cũng như không có khiếu nại gì về việc xin vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Nguyễn Hồng Nh và anh Phạm Văn Kh có đơn xin xét xử vắng mặt; nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự là đúng quy định.

[2] Về hôn nhân: Chị Nh và anh Kh có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên hôn nhân của anh, chị là hợp pháp được pháp luật công nhận. Xét nguyên nhân mâu thuẫn: Chị Nh và anh Kh xác định vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, không hòa hợp về cách sống, cuộc sống không hạnh phúc nên đồng ý ly hôn với nhau, điều này cho thấy mâu thuẫn giữa anh, chị là thực tế có xảy ra đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không còn đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình cho chị Nh được ly hôn với anh Kh là phù hợp.

[3] Về con chung: Khi ly hôn cha mẹ đều có quyền và nghĩa vụ ngang nhau trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Chị Nh và anh Kh đều thống nhất giao con chung cho chị Nh nuôi dưỡng, việc thỏa thuận của các đương sự không trái đạo đức xã hội, phù hợp các quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2, 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình giao con chung Phạm Anh Tú cho chị Nh nuôi dưỡng là phù hợp.

Vấn đề cấp dưỡng nuôi con, chị Nh không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét là phù hợp.

[4] Về tài sản chung: Chị Nh và anh Kh xác định tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét là phù hợp.

[5] Về nợ và các vấn đề khác: Chị Nh và anh Kh xác định không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Theo quy định khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Nh phải chịu án phí hôn nhân và gia đình 300.000 đồng. Về án phí dân sự sơ thẩm, chị Nh không phải chịu;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 1 Điều 56, khoản 2, 3 Điều 81, khoản 1, 3 Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Hồng Nh.

1.1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Hồng Nh được ly hôn anh Phạm Văn Kh.

1.2. Về con chung: Giao con chung tên Phạm Anh Tú, sinh ngày 21/01/2021 cho chị Nguyễn Hồng Nh trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng.

Anh Phạm Văn Kh không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Hồng Nh không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nhưng phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Chị Nh được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.005.000 đồng (một triệu không trăm lẻ năm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014073 ngày 27 tháng 4 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ D, chị Nh được nhận lại số tiền chênh lệch 705.000 (bảy trăm lẻ năm nghìn đồng).

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ D;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ D;
- Ủy ban nhân dân xã T A Kh Đ, huyện Đ D;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Trúc